



yīng táo

樱桃

noun · cherry

Example Sentence

Xià tiān de shí hou wǒ xǐ huān chī xīn xiān de yīng táo

夏天的时候，我喜欢吃新鲜的樱桃。

In summer, I like to eat fresh cherries.

Trace each character, then write the word on your own.

樱	樱	樱	樱	樱	樱	樱	樱	樱	樱	樱
樱	樱	樱	樱	樱	樱	樱				
桃	桃	桃	桃	桃	桃	桃	桃	桃	桃	桃
桃	桃									